TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80 /2025/HNGĐ-ST

Ngày 13 – 6 - 2025

V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Đ**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Hoàng T**

2. Ông **Huỳnh Văn H**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Duy P** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 13 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 72/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Danh Thị N**, sinh năm 1996 " Đề nghị xử vắng mặt"

Địa chỉ: Ấp 6, xã V, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

- *Bị đơn*: Anh **Lê Hoàng H1**, sinh năm 1992 "Vắng mặt"

Địa chỉ: Ấp A, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 25/12/2024 và các lời trình bày tiếp theo trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Danh Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị Danh Thị N và anh Lê Hoàng H thành hôn vào ngày 08/4/2015 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vị Thuỷ, huyện Vị Thuỷ,

tỉnh Hậu Giang. Thời gian chung sống khoảng 03 năm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không chung sống từ năm 2018 cho đến nay.

Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị xin được ly hôn anh H1.

- **Về con chung**: Vợ chồng có 01 chung Lê Thị Ngọc M, sinh ngày 29/10/2014 hiện chị N đang nuôi. Chị N xin tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản**: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Lê Hoàng H1 đã được Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 196, Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng phía anh H1 không có ý kiến bằng văn bản về yêu cầu khởi kiện của chị N và vắng mặt đến lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do vậy, Tòa án căn cứ vào điểm d khoản 3 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

[1.1]. ***Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*** Theo nội dung đơn khởi kiện của chị Danh Thị N yêu cầu ly hôn với anh Lê Hoàng H1 về việc ly hôn và nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp việc nuôi con". Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Tam Bình, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

[1.2]. Về sự có mặt, vắng mặt của các đương sự*:* Tòa án nhân dân huyện Tam Bình triệu tập các đương sự tham gia phiên họp, phiên toà hợp lệ nhiều lần, chị N vắng mặt tại phiên toà nhưng có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt, anh H1 vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 1, điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án xét xử vụ án theo luật định.

[2]. ***Về nội dung**:*

[2.1] Về hôn nhân: Chị Danh Thị N và anh Lê Hoàng H1 thành hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Vị Thuỷ, huyện Vị Thuỷ, tỉnh Hậu Giang ngày 08/4/2015 nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

Thời gian chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không chung sống từ năm 2018 đến nay.

Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị xin ly hôn anh H1; phía anh H1 đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Toà án giải quyết việc kiện với chị N nhưng anh H1 vắng mặt không lý do, điều này chứng tỏ rằng mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, xử cho chị N ly hôn anh H1 là phù hợp Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị N, anh H1 có 01 con nuôi là Lê Thị Ngọc M, sinh ngày 29/10/2014 hiện chị N đang nuôi, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Xét yêu cầu nuôi con của chị N là có cơ sở chấp nhận, phù hợp nguyện vọng của con chưa thành niên nên tiếp tục giao Lê Thị Ngọc M cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí của chị N 300.000 đồng, chị N nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Danh Thị N.

1.1. Về hôn nhân: Xử cho chị Danh Thị N ly hôn anh Lê Hoàng H1.

1.2. Về con chung: Chị Danh Thị Ngọc tiếp tục nuôi con Lê Thị Ngọc M, sinh ngày 29/10/2014, anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ tới lui thăm con không ai có quyền cản trở.

1.3. ***Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản***: Chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Chị Danh Thị N phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu số No 0002053 ngày 26/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, chị N đã nộp đủ.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4.Về quyền kháng cáo: Chị Danh Thị N, anh Lê Hoàng H1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- Đương sự;
- UBND xã Vị Thủy (số 35, quyển 1 ngày 08/4/2015);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Điều